



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

Thành viên của PrimeGlobal

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ
THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC ĐẮK NÔNG**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	6 - 7
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 28



BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Đắk Nông công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Đắk Nông (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá doanh nghiệp Nhà nước (Công ty TNHH MTV Sách và Thiết bị Trường học Tỉnh Đắk Nông). Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6400001087 ngày 30/06/2010 của Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đắk Nông (Giấy chứng nhận này đã được điều chỉnh 8 lần và lần điều chỉnh gần nhất ngày 01/10/2019), Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty đã giao dịch cổ phiếu phổ thông tại thị trường UPCoM của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là DNB.

Vốn điều lệ: 14.475.540.000 đồng

Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2020: 14.475.540.000 đồng

Trụ sở chính

- Địa chỉ: Số 58 Đường Quang Trung, Tổ 2, Phường Nghĩa Tân, Thị xã Gia Nghĩa, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam
- Điện thoại: (84) 0261.3555779
- Fax: (84) 0261.3545872

Ngành nghề kinh doanh

- Mua, bán: Sách giáo khoa, sách tham khảo, vở viết, văn phòng phẩm, thiết bị dạy và học, mỹ phẩm, đồ chơi trẻ em, dụng cụ thể dục thể thao, băng đĩa, âm nhạc;
- Liên kết sản xuất, kinh doanh thiết bị dạy và học, thiết bị văn phòng, máy vi tính, điện – điện tử, bàn ghế học sinh, hàng trang trí nội thất, các sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao;
- Dịch vụ du lịch;
- Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm;
- Sản xuất bột giấy, giấy và bìa;
- Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bìa bì từ giấy và bìa;
- In ấn;
- Dịch vụ liên quan đến in;
- Sao chép bản ghi các loại;
- Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và các thiết bị ngoại vi của máy tính);
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế;
- Sản xuất đồ chơi, trò chơi;
- Buôn bán vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân bổ vào đầu trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ chơi, trò chơi trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Xuất bản sách;
- Xuất bản báo, tạp chí và các ấn phẩm định kỳ;
- Pho to, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- Hoạt động thư viện và lưu trữ;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đầu.

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 43 người. Trong đó, cán bộ quản lý là 1 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Giám đốc và Phụ trách kế toán trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|-----------------------|------------|--------------------------|
| • Ông Ngô Xuân Hà | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 16/09/2019 |
| • Bà Trần Thị Diễm My | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 16/09/2019 |
| • Ông Lê Ngọc Tuấn | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 16/09/2019 |

Ban Kiểm soát

- | | | |
|----------------------|------------|--------------------------|
| • Bà Vũ Thị Cảnh | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 16/09/2019 |
| • Bà Ngô Thị Linh | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 16/09/2019 |
| • Ông Phan Xuân Định | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 16/09/2019 |

Giám đốc và Phụ trách kế toán

- | | | |
|---------------------------|----------------------|--|
| • Ông Ngô Xuân Hà | Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 16/09/2019 |
| • Bà Ngô Thị Giang | Phụ trách kế toán | Bổ nhiệm ngày 10/04/2020 |
| • Bà Trương Thị Hồng Linh | Trưởng phòng kế toán | Bổ nhiệm ngày 31/10/2017
Miễn nhiệm ngày 09/04/2020 |

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Giám đốc Công ty trong việc lập Báo cáo tài chính

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

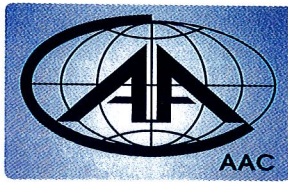
- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Ngô Xuân Hà

Đắk Nông, ngày 28 tháng 02 năm 2021



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN - KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: <http://www.aac.com.vn>

Số: 100/2021/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Giám đốc
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Đắc Nông**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính lập ngày 28/02/2021 của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Đắc Nông (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 6 đến trang 28, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Giám đốc

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Một số khoản nợ phải thu (1.034.547.923 đồng) chưa được đối chiếu xác nhận tại ngày 31/12/2020. Kiểm toán viên đã sử dụng thủ tục kiểm toán thay thế bằng cách gửi thư xác nhận nhưng đến thời điểm này chúng tôi vẫn chưa nhận được sự phản hồi từ phía các bên liên quan. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính hiện hữu của các khoản nợ nêu trên.
- Tại thời điểm 31/12/2020, Công ty có một số khoản phải thu đã quá hạn thanh toán, khó có khả năng thu hồi đang được ghi nhận tại khoản mục “Phải thu ngắn hạn của khách hàng” với giá trị là 1.881.959.750 đồng. Tuy nhiên, Công ty chưa đánh giá, xác định khả năng thu hồi để trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với các khoản nợ phải thu này. Dựa trên các thông tin hiện có, kiểm toán viên không thể thu thập đầy đủ bằng chứng thích hợp để xác định khả năng thu hồi của các

khoản nợ nêu trên. Theo đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh khoản mục “Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi” hay không cũng như không thể ước tính ảnh hưởng (nếu có) đến các khoản mục khác của Báo cáo tài chính đính kèm.

- Như trình bày tại mục (*) và (**) của thuyết minh số 8, Công ty đã hạch toán các khoản phải thu hồi (tiền lương, mua bảo hiểm nhân thọ, tiền các cá nhân bán hàng không nộp quỹ...) theo Kết luận số 1785/KL-UBND của Chủ tịch UBND Tỉnh Đắk Nông ngày 11/09/2017, số tiền 714.717.271 đồng vào thu nhập khác trong năm 2015 (trong đó người lao động đã nộp vào tài khoản tạm giữ của Thanh tra Tỉnh Đắk Nông và Thanh tra Tỉnh Đắk Nông đã nộp vào Ngân sách Nhà nước là 512.867.217 đồng, phần chưa nộp là 201.850.054 đồng); hạch toán phải thu về xử lý tài chính quy trách nhiệm đối với các cá nhân (do trách nhiệm đối với tiền nợ tồn đọng không thu hồi được, chi tạm ứng sai quy định...) theo các Quyết định của Giám đốc Công ty từ các năm trước, số dư còn lại chưa thu hồi được đến ngày 31/12/2020 là 549.777.578 đồng. Với các tài liệu được cung cấp, kiểm toán viên không thể xác định được liệu các khoản phải thu này có khả năng thu hồi toàn bộ và được hoàn trả về Công ty hay không.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại thuyết minh số 36, số liệu trình bày ở cột so sánh của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu từ ngày 01/10/2019 đến ngày 31/12/2019. Do đó, các số liệu này được lập cho mục đích cung cấp bổ sung thông tin và không so sánh được số liệu hiện tại do không đồng nhất về kỳ kế toán.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.



Trần Thị Thu Hiền – Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0753-2018-010-1
Đà Nẵng, ngày 28 tháng 02 năm 2021

Nguyễn Văn Thiện – Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 3108 -2020-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		21.178.236.418	17.767.377.478
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		645.042.068	333.135.808
1. Tiền	111	5	645.042.068	333.135.808
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		9.982.937.170	8.149.845.974
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	5.967.702.301	3.325.170.157
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	224.597.874	117.004.434
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	3.790.636.995	4.707.671.383
IV. Hàng tồn kho	140		10.453.146.208	9.225.526.365
1. Hàng tồn kho	141	9	10.453.146.208	9.225.526.365
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		97.110.972	58.869.331
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12.a	83.332.798	46.281.037
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	13.778.174	12.588.294
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		9.897.289.185	10.077.234.862
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		7.673.330.700	7.719.752.316
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	7.659.820.885	7.702.549.165
- Nguyên giá	222		10.739.272.879	10.162.000.152
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.079.451.994)	(2.459.450.987)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	13.509.815	17.203.151
- Nguyên giá	228		185.527.570	185.527.570
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(172.017.755)	(168.324.419)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.223.958.485	2.357.482.546
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12.b	2.223.958.485	2.357.482.546
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		31.075.525.603	27.844.612.340

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		15.968.535.149	13.221.032.257
I. Nợ ngắn hạn	310		15.844.785.149	13.014.782.257
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	13.451.496.438	8.412.911.717
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	27.413.017	1.506.859.776
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	298.952.572	446.137.365
4. Phải trả người lao động	314		495.417.472	448.522.390
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	85.471.179	274.760.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	1.505.277.899	1.944.834.437
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18.a	82.500.000	82.500.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		(101.743.428)	(101.743.428)
II. Nợ dài hạn	330		123.750.000	206.250.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18.b	123.750.000	206.250.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		15.106.990.454	14.623.580.083
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	15.106.990.454	14.623.580.083
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	19	14.475.540.000	14.475.540.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		14.475.540.000	14.475.540.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	19	631.450.454	148.040.083
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		148.040.083	-
- LNST chưa phân phối năm này	421b		483.410.371	148.040.083
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		31.075.525.603	27.844.612.340



Ngô Xuân Hà

Đắk Nông, ngày 28 tháng 02 năm 2021

Phụ trách kế toán

Ngô Thị Giang

Người lập biểu

Ngô Thị Giang

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu số B 02 – DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020 VND	Từ ngày 01/10/2019 đến ngày 31/12/2019 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	20	36.769.235.259	7.824.648.058
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21	1.390.136.660	43.301.686
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		35.379.098.599	7.781.346.372
4. Giá vốn hàng bán	11	22	29.268.038.869	6.020.014.867
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		6.111.059.730	1.761.331.505
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		700.668	154.036
7. Chi phí tài chính	22	23	22.675.508	5.191.740
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		23	22.675.508	5.191.740
8. Chi phí bán hàng	25	24	2.142.283.383	610.465.289
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	3.407.508.025	790.416.198
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		539.293.482	355.412.314
11. Thu nhập khác	31	26	135.506.000	12.000.000
12. Chi phí khác	32	27	106.878.735	139.292.544
13. Lợi nhuận khác	40		28.627.265	(127.292.544)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		567.920.747	228.119.770
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	84.510.376	80.079.687
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		483.410.371	148.040.083
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	334	102
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	29	334	102



Giám đốc

Ngô Xuân Hà

Đắk Nông, ngày 28 tháng 02 năm 2021

Phụ trách kế toán

Ngô Thị Giang

Người lập biểu

Ngô Thị Giang

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020 VND	Từ ngày 01/10/2019 đến ngày 31/12/2019 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		567.920.747	228.119.770
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	10, 11	623.694.343	177.020.613
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(700.668)	(154.036)
- Chi phí lãi vay	06	23	22.675.508	5.191.740
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		1.213.589.930	410.178.087
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(1.865.172.076)	(1.985.348.384)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.227.619.843)	3.499.767.610
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		2.919.770.225	(4.466.795.442)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		96.472.300	(159.466.970)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(16.075.508)	(6.793.709)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	15	(149.986.709)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		970.978.319	(2.708.458.808)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		(577.272.727)	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		700.668	154.036
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(576.572.059)	154.036
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33	18	300.000.000	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	18	(382.500.000)	(20.625.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(82.500.000)	(20.625.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		311.906.260	(2.728.929.772)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	333.135.808	3.062.065.580
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5	645.042.068	333.135.808



Ngô Xuân Hà

Đắk Nông, ngày 28 tháng 02 năm 2021

Phụ trách kế toán

Ngô Thị Giang

Người lập biểu

Ngô Thị Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Đắk Nông (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá doanh nghiệp Nhà nước (Công ty TNHH MTV Sách và Thiết bị Trường học Tỉnh Đắk Nông). Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6400001087 ngày 30/06/2010 của Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đắk Nông (Giấy chứng nhận này đã được điều chỉnh 8 lần và lần điều chỉnh gần nhất ngày 01/10/2019), Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Bán buôn sách và các ấn phẩm khác; in ấn.

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản tương đương tiền.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.2 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho cuối cùng được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

4.4 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Mức khấu hao được xác định căn cứ vào nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	20 – 30
Máy móc, thiết bị	3 – 10
Phương tiện vận tải	10

4.5 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Thời gian khấu hao tài sản cố định vô hình tại Công ty cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm máy tính	5

4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm.
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.7 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.8 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.9 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn khi trình bày trên báo cáo tài chính.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ. Đối với các khoản vay và nợ thuê tài chính là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá bán tại thời điểm cuối kỳ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.10 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức, lợi nhuận trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.11 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.12 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

4.13 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.14 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.15 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng được ghi nhận trong kỳ là các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận là các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi giảm khi Công ty hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

4.16 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.17 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm: Phải trả người bán, các khoản vay, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.18 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng:
 - ✓ Sách giáo khoa và các loại sách tham khảo hỗ trợ sách giáo khoa thuộc đối tượng không chịu thuế; các loại sách khác và thiết bị văn phòng, dụng cụ học tập chịu thuế suất theo quy định hiện hành.
 - ✓ Hoạt động in ấn chịu thuế suất là 10%.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng thuế suất là 20%. Ngoài ra, Công ty được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2020 theo quy định của Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25/09/2020 về giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 đối với Doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng trực tiếp hoặc gián tiếp kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền

	31/12/2020	01/01/2020
Tiền mặt	509.178.742	200.599.414
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	135.863.326	132.536.394
Cộng	645.042.068	333.135.808

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2020	01/01/2020
Nhà sách Giáo dục Cư Jút	968.655.897	519.094.228
Công ty TNHH Thanh Tâm Đức	1.277.080.000	1.277.080.000
Sở Tài chính Tỉnh Đắk Nông	755.509.800	-
Báo Đắk Nông	999.949.500	330.277.650
Các đối tượng khác	1.966.507.104	1.198.718.279
Cộng	5.967.702.301	3.325.170.157

7. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Trung tâm Quy hoạch Xây dựng Đắk Nông	100.000.000	100.000.000
Nguyễn Văn Tuấn	66.000.000	-
Các đối tượng khác	58.597.874	17.004.434
Cộng	224.597.874	117.004.434

8. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu thanh tra Tỉnh Đắk Nông (*)	512.867.271	-	512.867.271	-
Phải thu cá nhân về các khoản chi sai chế độ (*)	201.850.000	-	201.850.000	-
Ông Lê Minh Hậu	52.850.000	-	52.850.000	-
Bà Nguyễn Thị Hương	50.000.000	-	50.000.000	-
Bà Mai Thị Sang	45.000.000	-	45.000.000	-
Ông Nguyễn Mai Quang	32.000.000	-	32.000.000	-
Bà Ngô Thị Nhâm	22.000.000	-	22.000.000	-
Phải thu về xử lý tài chính quy hoạch nhiệm cá nhân (**)	549.777.578	-	549.777.578	-
Ông Ngô Đình Thanh	365.355.784	-	365.355.784	-
Ông Tạ Danh Nghĩa	49.364.461	-	49.364.461	-
Bà Tạ Thị Hợi	135.057.333	-	135.057.333	-
Cộng	1.678.548.992	-	2.441.906.000	-
Quy, ký cược ngắn hạn	-	-	164.400.000	-
Về cổ phần hóa	-	-	767.533.329	-
Khác	847.593.154	-	69.337.205	-
	3.790.636.995	-	4.707.671.383	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

(*) Đây là các khoản phải thu liên quan đến Kết luận số 1785/KL-UBND ngày 17/08/2007 của Chủ tịch UBND Tỉnh Đắk Nông “Về việc thanh tra hoạt động sản xuất kinh doanh và chấp hành pháp luật tại Công ty Sách Thiết bị Trường học Đắk Nông” (Xem chi tiết tại Thuyết minh số 34).

(**) Các khoản nợ phải thu về xử lý tài chính quy trách nhiệm đối với các cá nhân (do trách nhiệm đối với tiền nợ tồn đọng không thu hồi được, chi tạm ứng sai quy định ...) theo quyết định của Giám đốc Công ty.

9. Hàng tồn kho

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	946.104.729	-	824.115.195	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	9.100.000	-
Hàng hóa	9.507.041.479	-	8.392.311.170	-
Cộng	10.453.146.208	-	9.225.526.365	-

- Không có hàng tồn kho ứ đọng, mất phẩm chất, chậm luân chuyển tại 31/12/2020.
- Không có hàng tồn kho dùng để cầm cố, thế chấp đảm bảo khoản vay tại ngày 31/12/2020.

10. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Chi phí bảo hiểm	7.932.798	20.781.037
Chi phí thuê nhà	75.400.000	25.500.000
Cộng	83.332.798	46.281.037

b. Dài hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Chi phí san lấp mặt bằng	1.103.578.941	1.145.998.689
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	246.787.131	181.780.809
Chi phí thuê nhà	144.000.000	216.000.000
Chi phí sửa chữa	729.592.413	813.703.048
Cộng	2.223.958.485	2.357.482.546

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	P.tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	3.712.093.984	4.551.054.656	1.787.951.512	110.900.000	10.162.000.152
Mua sắm trong năm	-	577.272.727	-	-	577.272.727
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Phân loại lại	(7.000.000)	483.005.875	(476.005.875)	-	-
Số cuối năm	3.705.093.984	5.611.333.258	1.311.945.637	110.900.000	10.739.272.879
Khấu hao					
Số đầu năm	450.735.841	898.696.748	999.118.398	110.900.000	2.459.450.987
Khấu hao trong năm	134.410.523	426.080.168	59.510.316	-	620.001.007
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Phân loại lại	(58.357)	261.861.584	(261.803.227)	-	-
Số cuối năm	585.088.007	1.586.638.500	796.825.487	110.900.000	3.079.451.994
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	3.261.358.143	3.652.357.908	788.833.114	-	7.702.549.165
Số cuối năm	3.120.005.977	4.024.694.758	515.120.150	-	7.659.820.885

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2020 là 855.125.176 đồng.
- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình dùng để cầm cố, thế chấp đảm bảo các khoản vay tại ngày 31/12/2020 là 384.045.845 đồng.

12. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu năm	185.527.570	185.527.570
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	185.527.570	185.527.570
Khấu hao		
Số đầu năm	168.324.419	168.324.419
Khấu hao trong năm	3.693.336	3.693.336
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	172.017.755	172.017.755
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	17.203.151	17.203.151
Số cuối năm	13.509.815	13.509.815

- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2020 là 69.527.570 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Không có TSCĐ vô hình dùng để cầm cố, thế chấp đảm bảo các khoản vay tại ngày 31/12/2020.

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Công ty CP Sách và TBGD Miền Nam	4.345.999.901	1.895.133.567
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	2.540.059.782	1.305.950.579
Các đối tượng khác	6.565.436.755	5.211.827.571
Cộng	13.451.496.438	8.412.911.717

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Trường Tiểu học & Trung học cơ sở Bế Văn Đàn	6.243.100	-
Trường Tiểu học Nguyễn Việt Xuân	4.719.255	-
Các đối tượng khác	16.450.662	1.506.859.776
Cộng	27.413.017	1.506.859.776

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT		289.565.844	376.744.154	455.528.362	-	210.781.636
Thuế TNDN	-	153.647.268	84.510.376	149.986.709	-	88.170.935
Thuế TNCN	12.588.294	-	956.660	1.146.540	12.778.174	-
Tiền thuê đất	-	1	202.688.761	202.688.761	-	1
Phí và lệ phí	-	2.924.252	29.199.445	33.123.697	1.000.000	-
Cộng	12.588.294	446.137.365	694.099.396	842.474.069	13.778.174	298.952.572

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Trích trước phụ cấp cấp ủy	6.094.000	1.490.000
Trích trước chi phí lương	68.638.000	-
Trích trước chi phí thù lao HĐQT	6.600.000	22.200.000
Các khoản khác	4.139.179	251.070.000
Cộng	85.471.179	274.760.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2020	01/01/2020
Kinh phí công đoàn và bảo hiểm xã hội	64.114.266	19.602.005
Bảo hiểm xã hội	156.830.447	51.660.512
Phải trả về cổ phần hóa	972.150.059	1.770.574.388
Các khoản khác	312.183.127	102.997.532
- Ông Nguyễn Xuân Hà (Bên liên quan)	11.987.808	11.987.808
- Các đối tượng khác	300.195.319	91.009.724
Cộng	1.505.277.899	1.944.834.437

18. Vay và nợ thuê tài chính

a. Ngắn hạn

	Đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong	Cuối năm
Vay ngắn hạn	-	300.000.000	300.000.000	-
Ông Lê Ngọc Tuấn		300.000.000	300.000.000	
Vay dài hạn đến hạn trả	82.500.000	82.500.000	82.500.000	82.500.000
Ngân hàng TMCP Bắc Á - CN Đắk Lắk	82.500.000	82.500.000	82.500.000	82.500.000
Cộng	82.500.000	382.500.000	382.500.000	82.500.000

b. Dài hạn

	Đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong	Cuối năm
Vay dài hạn	288.750.000	-	82.500.000	206.250.000
Ngân hàng TMCP Bắc Á - CN Đắk Lắk	288.750.000		82.500.000	206.250.000
Cộng	288.750.000	-	82.500.000	206.250.000
Trong đó:				
- Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng				
1 năm	82.500.000			82.500.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	206.250.000			123.750.000

Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Bắc Á – Chi nhánh Đắk Lắk theo Hợp đồng tín dụng số 009/2019/HDTD2/BacABank.470 ngày 20/06/2019, cụ thể như sau:

- ✓ Số tiền cho vay tối đa là: 330.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm ba mươi triệu đồng);
- ✓ Mục đích vay: Thanh toán tiền mua xe ô tô tải phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp;
- ✓ Thời hạn vay: 48 tháng kể từ ngày 20/06/2019;
- ✓ Lãi suất cho vay: Lãi suất cho vay trong hạn là lãi suất thả nổi 11,5%/năm được điều chỉnh 3 tháng /lần. Lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn là 150%/năm/lãi suất cho vay trong hạn tại thời

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

điểm chuyển nợ quá hạn;

- ✓ Thời gian trả nợ: Thời gian trả nợ gốc là 48 kỳ, mỗi kỳ trả 6.875.000 đồng vào ngày 10 hàng tháng (mỗi kỳ có thời hạn 1 tháng);
- ✓ Tài sản cầm cố thế chấp: Tài sản hình thành từ vốn vay.

19. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/10/2019	17.350.171.024	128.057.308	(2.229.413.944)	15.248.814.388
Tăng trong năm	-	-	148.040.083	148.040.083
Giảm trong năm	2.874.631.024	128.057.308	(2.229.413.944)	773.274.388
Số dư tại 31/12/2019	14.475.540.000	-	148.040.083	14.623.580.083
Số dư tại 01/01/2020	14.475.540.000	-	148.040.083	14.623.580.083
Tăng trong năm	-	-	483.410.371	483.410.371
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2020	14.475.540.000	-	631.450.454	15.106.990.454

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2020	01/01/2020
UBND Tỉnh Đắk Nông	13.349.540.000	13.349.540.000
Các cổ đông khác	1.126.000.000	1.126.000.000
Cộng	14.475.540.000	14.475.540.000

c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2020	Từ ngày 01/10/2019 đến ngày 31/12/2019
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	148.040.083	(2.229.413.944)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm này	483.410.371	148.040.083
Phân phối lợi nhuận	-	-
Chuyển sang phải trả về cổ phần hóa	-	(2.229.413.944)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối năm	631.450.454	148.040.083

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2020	Từ ngày 01/10/2019 đến ngày 31/12/2019
Doanh thu bán hàng hóa	27.927.733.598	5.392.010.922
Doanh thu hoạt động in ấn	8.834.565.125	2.432.637.136
Doanh thu khác	6.936.536	-
Cộng	36.769.235.259	7.824.648.058

21. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2020	Từ ngày 01/10/2019 đến ngày 31/12/2019
Chiết khấu thương mại	1.390.136.660	43.301.686
Cộng	1.390.136.660	43.301.686

22. Giá vốn hàng bán

	Năm 2020	Từ ngày 01/10/2019 đến ngày 31/12/2019
Giá vốn hàng hóa đã bán	21.107.463.431	4.268.831.812
Giá vốn hoạt động in ấn	8.160.575.438	1.751.183.055
Cộng	29.268.038.869	6.020.014.867

23. Chi phí tài chính

	Năm 2020	Từ ngày 01/10/2019 đến ngày 31/12/2019
Chi phí lãi vay	22.675.508	5.191.740
Cộng	22.675.508	5.191.740

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

24. Chi phí bán hàng

	Năm 2020	Từ ngày 01/10/2019 đến ngày 31/12/2019
Chi phí nhân công	1.072.826.317	153.398.051
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	170.451.146	41.662.398
Chi phí khấu hao tài sản cố định	22.171.055	12.910.844
Chi phí dịch vụ mua ngoài	458.171.071	374.727.074
Các khoản khác	418.663.794	27.766.922
Cộng	2.142.283.383	610.465.289

25. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2020	Từ ngày 01/10/2019 đến ngày 31/12/2019
Chi phí nhân công	1.523.346.345	311.651.177
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	615.780.923	116.576.647
Chi phí khấu hao tài sản cố định	97.156.485	12.919.272
Các khoản thuế, phí và lệ phí	209.688.761	6.110.485
Các khoản khác	961.535.511	343.158.617
Cộng	3.407.508.025	790.416.198

26. Thu nhập khác

	Năm 2020	Từ ngày 01/10/2019 đến ngày 31/12/2019
Tiền đền bù	130.006.000	-
Tiền thưởng	3.000.000	12.000.000
Các khoản khác	2.500.000	-
Cộng	135.506.000	12.000.000

27. Chi phí khác

	Năm 2020	Từ ngày 01/10/2019 đến ngày 31/12/2019
Phạt vi phạm hợp đồng	83.612.779	-
Phạt chậm nộp, vi phạm hành chính về thuế	22.638.765	84.639.544
Các khoản khác	627.191	54.653.000
Cộng	106.878.735	139.292.544

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

28. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2020	Từ ngày 01/10/2019 đến ngày 31/12/2019
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	567.920.747	228.119.770
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	35.724.799	139.692.544
Điều chỉnh tăng (Chi phí không hợp lệ)	35.724.799	139.692.544
Điều chỉnh giảm (Lỗ được kết chuyển)	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	603.645.546	367.812.314
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	84.510.376	80.079.687
<i>Trong đó:</i>		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh năm này	84.510.376	73.562.463
- Chi phí thuế TNDN hiện hành điều chỉnh các năm trước và năm nay	-	6.517.224

29. Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2020	Từ 01/10/2019 đến 31/12/2019
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	483.410.371	148.040.083
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	-
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	483.410.371	148.040.083
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	1.447.554	1.447.554
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	334	102

30. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2020	Từ ngày 01/10/2019 đến ngày 31/12/2019
Chi phí nguyên liệu vật liệu	5.395.939.846	1.132.235.469
Chi phí nhân công	4.084.721.397	970.723.592
Chi phí khấu hao tài sản cố định	623.694.343	177.020.613
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.305.662.114	690.019.195
Chi phí khác bằng tiền	1.300.349.146	182.065.673
Cộng	13.710.366.846	3.152.064.542

31. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Căn cứ vào thực tế, Công ty hoạt động trong bộ phận địa lý duy nhất là Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam và các bộ phận kinh doanh sau:

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Năm 2020	Hoạt động bán hàng hóa	Hoạt động in ấn	Hoạt động khác	Tổng cộng
Doanh thu thuần	26.537.596.938	8.834.565.125	6.936.536	35.379.098.599
Giá vốn	21.107.463.431	8.160.575.438	-	29.268.038.869
Lợi nhuận của bộ phận kinh doanh	5.430.133.507	673.989.687	6.936.536	6.111.059.730
Doanh thu không phân bổ	-	-	-	136.206.668
Chi phí không phân bổ	-	-	-	5.679.345.651
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế				<u>567.920.747</u>

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Từ ngày 01/10/2019 đến ngày 31/12/2019	Hoạt động bán hàng hóa	Hoạt động in ấn	Hoạt động khác	Tổng cộng
Doanh thu thuần	5.348.709.236	2.432.637.136	-	7.781.346.372
Giá vốn	4.268.831.812	1.751.183.055	-	6.020.014.867
Lợi nhuận của bộ phận kinh doanh	1.079.877.424	681.454.081	-	1.761.331.505
Doanh thu không phân bổ	-	-	-	12.154.036
Chi phí không phân bổ	-	-	-	1.545.365.771
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế				<u>228.119.770</u>

32. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất, rủi ro về tỷ giá, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá nguyên liệu.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua hàng hóa sách, thiết bị trường học và các loại văn phòng phẩm khác từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động kinh doanh thương mại do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá hàng hóa mua vào. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty lựa chọn những nhà cung cấp uy tín, quan hệ kinh doanh lâu năm và luôn yêu cầu được cung cấp những biến động về giá kịp thời nhất. Đồng thời, Công ty đã áp dụng chính sách ký hợp đồng nguyên tắc với các nhà cung cấp truyền thống và đa dạng hóa các nguồn cung cấp của Công ty. Với chính sách quản lý về giá trên, Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động về giá hàng hóa ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tài chính là một số khoản nợ phải thu. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty xây dựng chính sách bán hàng và thu hồi công nợ áp dụng cho các nhà phân phối. Để hạn chế công nợ chậm thanh toán Công ty đã thực hiện mức chiết khấu thanh toán cho các nhà phân phối với các tỷ lệ trên số dư nợ cuối tháng. Với những khách hàng mới, Công ty tìm hiểu kỹ về khả năng tài chính và thanh toán của khách hàng từ đó xác định bán tín chấp hay thanh toán trước tiền hàng. Ngoài ra, giữa bộ phận kinh doanh và bộ phận tài chính kế toán luôn có sự đối chiếu thông tin về các khoản công nợ đến hạn thanh toán cũng như quá hạn để kịp thời đôn đốc và có biện pháp thu nợ thích hợp.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

31/12/2020	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	13.451.496.438	-	13.451.496.438
Chi phí phải trả	85.471.179	-	85.471.179
Vay và nợ thuê tài chính	82.500.000	123.750.000	206.250.000
Phải trả khác	1.284.333.186	-	1.284.333.186
Cộng	14.903.800.803	123.750.000	15.027.550.803
01/01/2020	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	8.412.911.717	-	8.412.911.717
Chi phí phải trả	274.760.000	-	274.760.000
Vay và nợ thuê tài chính	82.500.000	206.250.000	288.750.000
Phải trả khác	1.106.038.591	-	1.106.038.591
Cộng	9.876.210.308	206.250.000	10.082.460.308

Công ty có rủi ro thanh khoản tuy nhiên Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2020	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	645.042.068	-	645.042.068
Phải thu của khách hàng	5.967.702.301	-	5.967.702.301
Phải thu khác	2.112.088.003	-	2.112.088.003
Cộng	8.724.832.372	-	8.724.832.372
01/01/2020	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	333.135.808	-	333.135.808
Phải thu của khách hàng	3.325.170.157	-	3.325.170.157
Phải thu khác	1.498.232.054	-	1.498.232.054
Cộng	5.156.538.019	-	5.156.538.019

33. Bên liên quan

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2020	Năm 2019
Giám đốc	Tiền lương	264.000.000	271.334.000

34. Những thông tin khác

Ngày 17/08/2007 Chủ tịch UBND Tỉnh Đắk Nông có Kết luận số 1785/KL-UBND “Về việc thanh tra hoạt động sản xuất kinh doanh và chấp hành pháp luật tại Công ty Sách Thiết bị Trường học Đắk Nông”, giao cho Chánh Thanh tra tỉnh thu hồi các khoản sau:

Thu hồi các khoản chi không đúng chế độ (tiền lương, mua bảo hiểm nhân thọ, tiền các cá nhân bán hàng không nộp quỹ ...) từ các cá nhân do là 714.717.271 đồng.

Với yêu cầu này, Công ty đã ghi nhận khoản nợ phải thu và thu nhập khác vào BCTC năm 2015. Tuy nhiên, Kết luận số 1785/KL-UBND giao cho Chánh thanh tra tỉnh thực hiện thu hồi khoản tiền sai phạm này nên các cá nhân sai phạm đã nộp trực tiếp tiền bồi hoàn là 512.867.271 đồng cho Thanh tra Tỉnh (số chưa nộp là 201.850.000 đồng). Ngày 05/02/2015 Thanh tra Tỉnh có Văn bản số 74/TTr-PC cho biết số tiền trên đã được Thanh tra nộp vào Ngân sách Nhà nước. Do đó, Công ty xác định đây là khoản phải thu lại từ Thanh tra tỉnh hoặc thu lại từ Ngân sách tỉnh (công nợ phải thu thể hiện tại mục (*) của Thuyết minh số 8).

Vấn đề này sẽ được Công ty làm việc với các cơ quan chức năng để giải quyết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

35. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Không có sự kiện quan trọng nào khác phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

36. Số liệu so sánh

Là số liệu trong báo cáo tài chính của kỳ kế toán từ ngày 01/10/2019 đến ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi AAC.



Ngô Xuân Hà

Đắk Nông, ngày 28 tháng 02 năm 2021

Phụ trách kế toán

Ngô Thị Giang

Người lập biểu

Ngô Thị Giang

